

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp: Môn thi: **Anh Văn**
Kỳ thi: Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Niên khoá : Ngày giờ thi: **08:00 , 26/12/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **D01**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000001	0450080104	9/22/1997	Dương Ngọc Thạch	88	440	10.0	9.6	Miễn AV1&AV2	04_ĐHCNTT_2
2	000002	0450110083	5/24/1997	Nguyễn Thanh Phương	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	04_ĐHKTTN_2
3	000003	0450020314	3/28/1997	Võ Minh Toàn	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	04_ĐHQLMT_2
4	000004	0450020283	6/15/1997	Nguyễn Ngọc Phúc Thịnh	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	04_ĐHQLMT_3
5	000005	0450030092	9/20/1996	Trần Phương Đoan Thanh	55	275	4.8	3.9	Học AV1	04_Đhtd_2
6	000006	0450030202	4/25/1997	Phạm Huỳnh Đức	52	260	4.7	3.7	Học AV1	04_ĐHTĐ_3
7	000007	0550030091	10/1/1998	Nguyễn Hồng Thanh	55	275	4.8	3.9	Học AV1	05_ĐH_ĐDCT
8	000008	0550140030	2/13/1998	Tăng Lâm Thị Mỹ Quyên	54	270	4.8	3.9	Học AV1	05_ĐHBĐKH
9	000009	0550140016	9/1/1996	Võ Hoàng Anh Minh	66	330	7.0	4.7	Học AV2	05_ĐHBĐKH
10	000010	0550060007	5/22/1995	Trần Phong Dinh	55	275	4.8	3.9	Học AV1	05_ĐHCTN_1
11	000011	0550060046	10/6/1998	Bùi Tấn Duy	40	200	3.4	2.9	Học AV1	05_ĐHCTN_2
12	000012	0550060055	8/9/1998	Hồ Thị Thanh Ngân	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	05_ĐHCTN_2
13	000013	0550100016	5/17/1998	Đào Kim Hạnh	67	335	7.3	4.8	Học AV2	05_ĐHĐC
14	000014	0550100051	1/17/1998	Huỳnh Đăng Thảo	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	05_ĐHĐC
15	000015	0550100062	11/20/1998	Võ Công Trọng	41	205	3.5	2.9	Học AV1	05_ĐHĐC
16	000016	0550100059	3/4/1998	Nguyễn Minh Tiến	47	235	4.1	3.4	Học AV1	05_ĐHĐCTV
17	000017	0550030107	4/28/1998	Lê Thị Kim Yến	62	310	6.0	4.4	Học AV2	05_ĐHKĐC_1
18	000018	0550020206	6/27/1998	Lưu Thị Bích Châm	51	255	4.6	3.6	Học AV1	05_ĐHKMT_2
19	000019	0550020061	3/8/1998	Thái Thị Thu Hiền	59	295	5.3	4.2	Học AV2	05_ĐHKMT_2
20	000020	0550020196	9/29/1996	Nguyễn Thị Phương Uyên	45	225	3.9	3.2	Học AV1	05_ĐHKMT_4
21	000021	0550020164	3/5/1998	Nông Thị Thùy Linh	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	05_ĐHKMT_4
22	000022	0550110006	7/21/1998	Võ Thành Đạt	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	05_ĐHKTTN_1
23	000023	0550130030	11/30/1996	Nguyễn Duy Thức	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	05_ĐHQLBĐ
24	000024	0550130015	3/12/1998	Trương Thị Thuý Huyền	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	05_ĐHQLBĐ

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000025	0750040263	12/4/1999	Đặng Thanh Vân	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	05_DHQLĐĐ
26	000026	0750090229	5/20/2000	Bùi Nguyễn Trường Sơn	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	05_DHQTĐD
27	000027	0550030026	10/24/1997	Trần Thúy Linh	67	335	7.3	4.8	Học AV2	05_DHTĐTH
28	000028	0550150002	11/1/1998	Huỳnh Thế Ân	56	280	4.9	4.0	Học AV1	05_DHTNN_1
29	000029	0550150019	11/30/1998	Tiêu Trọng Hoà	62	310	6.0	4.4	Học AV2	05_DHTNN_1
30	000030	055050036	5/22/1998	Tô Thị Ny	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	05_DHTNN_1
31	000031	0550050014	7/12/2020	Trần Huỳnh Thanh Lan	41	205	3.5	2.9	Học AV1	05_DHTV
32	000032	0650080021	1/4/1999	Phạm Hồng Ngọc	53	265	4.7	3.8	Học AV1	06_DHCNTT_1
33	000033	0650140018	1/24/1999	Bùi Lễ Nam Tiến	45	225	3.9	3.2	Học AV1	06_DHBĐKH
34	000034	0650140019	9/1/1999	Đỗ Văn Tuấn	54	270	4.8	3.9	Học AV1	06_DHBĐKH
35	000035	0650140001	3/30/1999	Thái Thị Tú Anh	49	245	4.2	3.5	Học AV1	06_DHBĐKH
36	000036	0650140015	7/6/1999	Trần Thị Thanh Thúy	52	260	4.7	3.7	Học AV1	06_DHBĐKH
37	000037	0650140010	12/22/1999	Trương Quốc Khánh	51	255	4.6	3.6	Học AV1	06_DHBĐKH
38										
39										
40										

Tp. HCM, Ngày 01 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh


Nguyễn Kiều Tuyết Dương

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá :

Môn thi: Anh Văn
Hình thức thi: Trắc nghiệm
Ngày giờ thi: 08:00 , 26/12/2020

C.Ngành:
Hệ: ĐH
Phòng thi: D02

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000038	0650080053	12/12/1999	Cao Trọng Hải	19	95	1.6	1.4	Chưa đạt	06_ĐHCNNT_2
2	000039	0650080042	12/26/1999	Phạm Vương	65	325	6.8	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT
3	000040	0650080025	9/13/1999	Đỗ Hoàng Quân	68	340	7.5	4.9	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
4	000041	0650080020	5/18/1999	Huỳnh Luân	52	260	4.7	3.7	Học AV1	06_ĐHCNTT_1
5	000042	0650080022	9/9/1999	Nguyễn Thị Minh Nhật	59	295	5.3	4.2	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
6	000043	0650080034	6/28/1999	Bùi Minh Thuận	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_ĐHCNTT_1
7	000044	0650080019	4/13/1999	Dương Đặng Đức Lợi	65	325	6.8	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
8	000045	0650080001	5/7/1999	Hồ Thị Yến Anh	64	320	6.5	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
9	000046	0650080036	7/30/1999	Nguyễn Đăng Trung	64	320	6.5	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
10	000047	0650080004	11/26/1999	Nguyễn Thành Công	63	315	6.3	4.5	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
11	000048	0650080032	11/1/1999	Triệu Thị Thanh	65	325	6.8	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT_1
12	000049	0650080073	5/14/1999	Nguyễn Hoài Sơn	65	325	6.8	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT_2
13	000050	0650080052	11/29/1999	Nguyễn Thành Dương	67	335	7.3	4.8	Học AV2	06_ĐHCNTT_2
14	000051	0650080101	3/1/1999	Huỳnh Lý Huỳnh	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_3
15	000052	0650080116	11/13/1999	Mai Thị Quỳnh	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	06_ĐHCNTT_3
16	000053	0650080113	5/26/1999	Nguyễn Phạm Trúc Phương	76	380	9.2	6.8	Miễn AV1&AV2	06_ĐHCNTT_3
17	000054	0650080093	12/24/1999	Nguyễn Văn Hạnh	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHCNTT_3
18	000055	0650080097	2/11/1999	Nguyễn Văn Hoài	65	325	6.8	4.6	Học AV2	06_ĐHCNTT_3
19	000056	0650080094	12/1/1999	Tạ Thu Hậu	51	255	4.6	3.6	Học AV1	06_ĐHCNTT_3
20	000057	0650080121	10/30/1999	Võ Thị Thu Thảo	66	330	7.0	4.7	Học AV2	06_ĐHCNTT_3
21	000058	0650080099	3/10/1999	Trần Văn Hưng	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_3
22	000059	0650080128	10/31/1999	Vũ Anh Tuấn	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHCNTT_3
23	000060	0650080096	1/14/1999	Nguyễn Bá Hiệp	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_ĐHCNTT_3
24	000061	0650060025	8/18/1999	Huỳnh Minh Nho	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_ĐHCNTT

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000062	0650060008	11/21/1997	Nguyễn Hoàng Anh Duy	26	130	2.2	1.9	Chưa đạt	06_dhctn
26	000064	0650060022	5/25/1999	Phạm Bá Minh	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	06_ĐHCTN
27	000065	0650030066	9/25/1999	Nguyễn Tà Hoàng Đông	26	130	2.2	1.9	Chưa đạt	06_ĐHDC
28	000066	0650100017	7/1/1999	Nguyễn Thị Thảo Quyên	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	06_ĐHDC
29	000067	0650070007	10/17/1999	Đặng Hải Huệ Chi	77	385	9.4	7.1	Miễn AV1&AV2	06_ĐHHTTT
30	000068	0650070004	10/23/1999	Nguyễn Đình Bảo	27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
31	000069	0650070023	4/11/1999	Nguyễn Hoàng Huy	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHHTTT
32	000070	0550070033	12/9/1996	Nguyễn Minh Nhựt	70	350	8.0	5.0	Miễn AV1&AV2	06_ĐHHTTT
33	000071	0650070008	5/25/1999	Nguyễn Thị Diễm Chi	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
34	000072	0650070018	7/4/1999	Lê Đình Hiếu	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	06_ĐHHTTT
35	000073	0650020167	2/6/1993	Nguyễn Chánh Thi	57	285	4.9	4.1	Học AV1	06_ĐHKMT_4
36	000074	0650010014	11/2/1999	Nguyễn Thị Thu Na	81	405	10.0	8.2	Miễn AV1&AV2	06_ĐHKT
37	000075	0650010015	4/25/1999	Nguyễn Thị Thu Ngọc	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHKT
38										
39										
40										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh


Trương Thị Thu Thảo

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá :

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **08:00 , 26/12/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C21**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000076	0650010001	4/30/1999	Phan Thanh Đại	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	06_DHKT
2	000077	0650030042	4/7/1999	Trần Duy Quang	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	06_DHKTDCTC
3	000078	0650020034	3/6/1999	Nguyễn Hoàng Thương	66	330	7.0	4.7	Học AV2	06_DHKTTMT_1
4	000079	0650020036	7/7/1999	Nguyễn Trọng Tính	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_DHKTTMT_1
5	000080	0650020028	8/23/1998	Phan Đức Quang	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_DHKTTMT_1
6	000081	0650020043	10/14/1999	Trần Thị Vân	51	255	4.6	3.6	Học AV1	06_DHKTTMT_1
7	000082	0650020158	6/19/1999	Huỳnh Ngọc Nhị	62	310	6.0	4.4	Học AV2	06_DHKTTMT_4
8	000083	0650020152	5/23/1999	Phan Minh Luân	67	335	7.3	4.8	Học AV2	06_DHKTTMT_4
9	000084	0650110029	9/15/1999	Đào Thị Hồng Nhung	41	205	3.5	2.9	Học AV1	06_DHKTTN_1
10	000085	0650110011	1/12/1999	Nguyễn Thị Thúy Hằng	69	345	7.8	4.9	Học AV2	06_DHKTTN_1
11	000086	0650110034	10/25/1999	Trần Tiến Thành	74	370	8.8	6.2	Miễn AV1&AV2	06_DHKTTN_1
12	000087	0650110024	3/10/1999	Lê Thị Hồng Ngân	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	06_DHKTTN_1
13	000088	0650110016	11/19/1999	Trần Thị Ngọc Huyền	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_DHKTTN_1
14	000089	0650110079	9/18/1999	Lê Anh Tài	54	270	4.8	3.9	Học AV1	06_DHKTTN_2
15	000090	0650110095	9/4/1999	Lê Thế Vinh	47	235	4.1	3.4	Học AV1	06_DHKTTN_2
16	000091	0650110065	6/25/1999	Nguyễn Thị Lý	53	265	4.7	3.8	Học AV1	06_DHKTTN_2
17	000092	0650110087	9/2/1999	Phạm Thị Thương	60	300	5.5	4.3	Học AV2	06_DHKTTN_2
18	000093	0650110084	7/18/1999	Trần Cẩm Thi	45	225	3.9	3.2	Học AV1	06_DHKTTN_2
19	000094	0650150030	10/24/1998	Trần Thanh Hoài Thương	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	06_DHKTTNN
20	000095	0650020086	3/10/1999	Nguyễn Đức Trọng	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_DHMT_2
21	000096	0650020119	5/19/1998	Ngô Thị Thêm	59	295	5.3	4.2	Học AV2	06_DHMT_3
22	000097	0650040236	5/23/1999	Đào Đức Nhã	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_DHQB

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
23	000098	0650040049	12/20/1999	Lê Thị Cẩm Tú	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_ĐHQB
24	000099	0650040219	3/30/1999	Trần Nguyễn Hoài Trí	41	205	3.5	2.9	Học AV1	06_ĐHQB
25	000100	0650040152	5/16/1999	Trần Thị Anh Thư	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHQĐ_1
26	000101	0650040010	6/21/1999	Võ Nhựt Hào	57	285	4.9	4.1	Học AV1	06_ĐHQĐ_1
27	000102	0650040051	12/27/1999	Nguyễn Thị Thu Uyên	59	295	5.3	4.2	Học AV2	06_ĐHQĐ_1
28	000103	0650040190	10/31/1999	Trần Thị Ánh Linh	63	315	6.3	4.5	Học AV2	06_ĐHQH
29	000104	0650040025	10/25/1999	Trần Xuân Nghi	60	300	5.5	4.3	Học AV2	06_ĐHQH
30	000105	0650130008	1/10/1999	Đỗ Thị Diễm My	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHQQLBĐ
31	000106	0650130023	10/22/1999	Lê Đào Anh Trung	78	390	9.6	7.4	Miễn AV1&AV2	06_ĐHQQLBĐ
32	000107	0650130009	3/2/1999	Nguyễn Thị Thuý Nga	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	06_ĐHQQLBĐ
33	000108	0550130008	6/2/1998	Nguyễn Thụy Vĩ Hân	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_ĐHQQLBĐ
34	000109	0650120013	8/11/1999	Lê Trung Hiếu	67	335	7.3	4.8	Học AV2	06_ĐHQQLTN 1
35	000110	0650120007	3/26/1998	Bá Hoàng Diệu	62	310	6.0	4.4	Học AV2	06_ĐHQqltn_1
36	000111	0650120022	3/17/1999	Huỳnh Việt Nam	71	355	8.2	5.3	Miễn AV1&AV2	06_Đhqqltn_1
37	000112	0650120059	6/30/1999	Nguyễn Xuân Chuẩn	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	06_ĐHQQLTN_2
38										
39										
40										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

**Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu**

**Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi**

**Trưởng bộ môn
Tiếng Anh**





**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp: Môn thi: **Anh Văn**
Kỳ thi: Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Niên khoá : Ngày giờ thi: **08:00 , 26/12/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C22**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000113	0650120107	12/16/1999	Đặng Trọng Hoàng	Anh	44	220	3.8	3.1	Học AV1	06_ĐHQLTN_3
2	000114	0650120121	10/23/1999	Dương Hoàng	Long	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_ĐHQLTN_3
3	000115	0650120128	6/5/1999	Hồ Thị Diễm	Ngọc	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_ĐHQLTN_3
4	000116	0650120118	2/24/1999	Võ hoàng	Khương	20	100	1.7	1.4	Chưa đạt	06_ĐHQLTN_3
5	000117	0650120112	10/10/1999	Võ Hữu	Đức	45	225	3.9	3.2	Học AV1	06_ĐHQLTN_3
6	000118	0650120156	10/20/1999	Võ Thuyết	Văn	47	235	4.1	3.4	Học AV1	06_ĐHQLTN_3
7	000119	0650120126	11/11/1999	Đặng Thanh	Ngân	58	290	5.0	4.1	Học AV2	06_ĐHQLTN_3
8	000120	0650120186	6/15/1999	Huỳnh Tấn	Phát	52	260	4.7	3.7	Học AV1	06_ĐHQLTN_4
9	000121	0650120173	9/14/1999	Lê Hoàng	Linh	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	06_ĐHQLTN_4
10	000122	0650120194	5/21/1999	Nguyễn Thu	Thảo	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_ĐHQLTN_4
11	000123	0650120180	8/10/1999	Thạch Thị Thảo	Nguyên	56	280	4.9	4.0	Học AV1	06_ĐHQLTN_4
12	000124	0650120162	5/19/1999	Trần Mai	Anh	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_ĐHQLTN_4
13	000125	0650120245	1/5/1999	Huỳnh Minh	Thanh	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHqltn_5
14	000126	0650120215	12/8/1999	Huỳnh Tấn	Đạt	61	305	5.8	4.4	Học AV2	06_ĐHQLTN_5
15	000127	0650120225	6/23/1997	Tạ Đình	Lân	51	255	4.6	3.6	Học AV1	06_ĐHQLTN_5
16	000128	0650120232	1/22/1999	Trần Thị Thu	Nguyên	47	235	4.1	3.4	Học AV1	06_ĐHQLTN_5
17	000129	0650120220	2/22/1999	Nguyễn đoàn phương	Hiếu	54	270	4.8	3.9	Học AV1	06_ĐHQLTN_5
18	000130	0650040059	11/11/1996	Điêu	Biệt	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_ĐHQT
19	000131	0650040194	2/8/1999	Huỳnh Thị Ánh	My	57	285	4.9	4.1	Học AV1	06_ĐHQT
20	000132	0650040108	1/15/1999	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	06_ĐHQT
21	000133	0650040013	12/29/1999	Nguyễn Văn	Hưng	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	06_ĐHQT
22	000134	0650040032	12/13/1999	Vũ Đức	Phương	46	230	4.0	3.3	Học AV1	06_ĐHQT
23	000135	0650090087	3/20/1999	Huỳnh Tấn	Trung	42	210	3.6	3.0	Học AV1	06_ĐHQTBD

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
24	000136	0650090131	1/3/1999	Mai Lê Tuấn	43	215	3.7	3.1	Học AV1	06_DHQTBD
25	000137	0650090065	1/24/1997	Nguyễn Ngọc Phương Linh	58	290	5.0	4.1	Học AV2	06_DHQTBD
26	000138	0650090097	12/24/1996	Nguyễn Ngọc Đức	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	06_DHQTBD_3
27	000139	0650090027	8/13/1998	K' Ni	40	200	3.4	2.9	Học AV1	06_DHQTTH_1
28	000140	0650030027	5/6/1998	Nguyễn Tấn Luận	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	06_DHTĐCT
29	000141	0650030047	7/14/1999	Phạm Quốc Thịnh	86	430	10.0	9.2	Miễn AV1&AV2	06_DHTĐCT
30	000142	0650030032	4/6/1999	Trần Võ Phi	51	255	4.6	3.6	Học AV1	06_DHTĐCT
31	000143	0650150005	9/28/1999	Đàm Thị Vân Anh	66	330	7.0	4.7	Học AV2	06_DHTNN
32	000144	0650150028	6/10/1999	Lê Chí Tài	77	385	9.4	7.1	Miễn AV1&AV2	06_DHTNN
33	000145	0650150002	5/3/1999	Lưu Văn An	83	415	10.0	8.6	Miễn AV1&AV2	06_DHTNN
34	000146	0650150016	10/13/1999	Phạm Khánh Linh	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	06_DHTNN
35	000147	0650150037	9/6/1998	Trịnh Minh Tú	85	425	10.0	9.0	Miễn AV1&AV2	06_DHTNN
36	000148	0750110052	2/3/2000	Nguyễn Thị Duyên	70	350	8.0	5.0	Miễn AV1&AV2	07_DHKTTN 2
37	000149	0750020062	5/26/2020	Trần Văn Nguyên	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_DHMT 2
38	000150	0750080028	5/13/2000	Nguyễn Hoàng Gia Quy	67	335	7.3	4.8	Học AV2	07_DHCNTT 1
39										
40										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

P. Trưởng bộ môn
Tiếng Anh


Nguyễn Thị Duyên

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp:
Kỳ thi:
Niên khoá :

Môn thi: **Anh Văn**
Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Ngày giờ thi: **09:30 , 26/12/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **D01**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000151	0750080095	2/14/2000	Lê Xuân	Trường	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHCNTT 2
2	000152	0750080094	1/24/2000	Ngô Quang	Trường	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 2
3	000153	0750080081	7/29/2000	Nguyễn Thanh	Nhàn	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 2
4	000154	0750080059	10/11/2000	Nguyễn Trọng	Hải	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 2
5	000155	0750080055	7/28/2000	Thái Công	Dũng	21	105	1.8	1.5	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 2
6	000156	0750080108	2/20/2000	Huỳnh Ngọc	Hải	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 3
7	000157	0750080146	5/29/2000	Nguyễn Nhật	Trường	43	215	3.7	3.1	Học AV1	07_ĐHCNTT 3
8	000158	0750080106	11/16/1998	Phan Văn	Đồng	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHCNTT 3
9	000159	0750080190	10/29/2000	Hồ Quốc	Toàn	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 4
10	000160	0750080174	4/27/2000	Lê Tấn	Ngọc	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 4
11	000161	0750080167	9/22/2000	Nguyễn Thị Tuấn Lê		27	135	2.3	1.9	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 4
12	000162	0750080187	1/10/2000	Trần Hoàng Thi	Thi	48	240	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHCNTT 4
13	000163	0750080159	3/24/2000	Võ Lê Thanh	Hậu	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 4
14	000164	0750080150	5/5/1999	Phạm Ngọc	Ánh	49	245	4.2	3.5	Học AV1	07_ĐHCNTT 4
15	000165	0750080192	1/28/2000	Bùi Nhật	Toàn	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHCNTT 4
16	000166	0750060016	6/12/2000	Lê Minh	Hiếu	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHCNTT
17	000167	0750060026	4/22/2000	Nguyễn Hữu	Lâm	57	285	4.9	4.1	Học AV1	07_ĐHCNTT
18	000168	0750060017	6/9/2000	Nguyễn Xuân	Hoàng	69	345	7.8	4.9	Học AV2	07_ĐHCNTT
19	000169	0350100135	11/20/1996	Nguyễn Thành	Long	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHCNTT
20	000170	0750100017	7/26/1999	Nguyễn Hoài	Phong	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_ĐHCNTT
21	000171	0750100012	8/8/1998	Tạ Thanh	Linh	77	385	9.4	7.1	Miễn AV1&AV2	07_ĐHCNTT
22	000172	0750080097	4/22/2000	Phạm Thế	Vui	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 2
23	000173	0750020092	10/29/2000	Nguyễn Tiến	Đạt	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_ĐHCNTT 3

24	000174	0750070031	9/10/2000	Bùi Tuấn Kiệt	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_DHHTTTT
25	000175	0750070040	11/2/2000	Chu Ngọc Kim Ngân	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_DHHTTTT
26	000176	0750070006	5/14/2000	Đỗ Mỹ Duyên	60	300	5.5	4.3	Học AV2	07_DHHTTTT
27	000177	0750070056	8/13/1999	Đỗ Thị Mỹ Trinh	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_DHHTTTT
28	000178	0750070012	5/5/2000	Lê Nhật Hạ	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_DHHTTTT
29	000179	0750070004	1/18/2000	Nguyễn Mạnh Cường	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_DHHTTTT
30	000180	0750070051	2/6/1999	Nguyễn Thượng Thuật	64	320	6.5	4.6	Học AV2	07_DHHTTTT
31	000181	0750070059	5/31/2000	Phạm Hoàng Tuấn	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_DHHTTTT
32	000182	0750010007	3/25/2000	Lê Văn Hải	69	345	7.8	4.9	Học AV2	07_DHKTT
33	000183	0750030013	11/13/2000	Lê Hoàng Ngọc Khang	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_Dhktđc
34	000184	0750030068	10/12/2000	Nguyễn Phước Thiện	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_DHKTTĐC
35	000185	0750020012	1/18/2000	Vũ Ngọc Hân	62	310	6.0	4.4	Học AV2	07_DHKTTMT 1
36	000186	0750110021	5/7/2000	Đào Thị Bảo Ngân	78	390	9.6	7.4	Miễn AV1&AV2	07_DHKTTN 1
37	000187	0750110040	9/25/1999	Hứa Thị Kim Thư	79	395	9.8	7.7	Miễn AV1&AV2	07_DHKTTN 1
38	000188	0750110011	9/27/2000	Lục Trần Anh Kiệt	73	365	8.6	5.9	Miễn AV1&AV2	07_DHKTTN 1
39	000189	0750110016	8/10/2000	Nguyễn Ái Hải Minh	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_DHKTTN 1
40										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

P. Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Nguyễn Văn Tuấn Dũng

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp:

Kỳ thi:

Niên khoá :

Môn thi: **Anh Văn**

Hình thức thi: **Trắc nghiệm**

Ngày giờ thi: **09:30 , 26/12/2020**

C.Ngành:

Hệ: **ĐH**

Phòng thi: **D02**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000190	0750110032	8/10/2000	Nguyễn Mai Như Phương	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHKTTN 1
2	000191	0750110079	12/10/2000	Lê Thành Rõng	52	260	4.7	3.7	Học AV1	07_ĐHKTTN 2
3	000192	0750110054	10/8/2000	Phan thành đạt	54	270	4.8	3.9	Học AV1	07_ĐHKttN 2
4	000193	0750110055	6/29/2000	Trương thị Hà	66	330	7.0	4.7	Học AV2	07_ĐHKttN 2
5	000194	0750020027	3/18/2000	Nguyễn Lâm Thảo Phúc	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_ĐHMT 1
6	000195	0750020048	12/4/1999	Phạm Trung Đức	38	190	3.3	2.7	Chưa đạt	07_ĐHMT 2
7	000196	0750020063	6/17/2000	Trần Phước Nhật	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_dhmt 2
8	000197	0750020109	11/20/1999	đặng văn nhuận	30	150	2.6	2.1	Chưa đạt	07_ĐHmt 3
9	000198	0750020111	8/15/2000	Đỗ hồng phúc	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHmt 3
10	000199	0750020097	6/22/2000	Dương Minh Huy	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHMT 3
11	000200	0750020107	4/23/2000	Huỳnh Thị Yến Như	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_ĐHMT 3
12	000201	0750020099	3/3/2000	Lê khánh	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_dhmt 3
13	000202	0750020127	12/4/2000	Lê Thị Hồng Yến	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_dhmt 3
14	000203	0750020118	12/20/2000	Lê Thị Thùy	23	115	2.0	1.6	Chưa đạt	07_ĐHMT 3
15	000204	0750020089	6/7/1999	Nguyễn Hoàng Dũng	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHMT 3
16	000205	0750130003	12/12/1999	Nguyễn Quang Minh Đức	55	275	4.8	3.9	Học AV1	07_ĐHQLBĐ
17	000206	0750130012	12/6/1999	Nguyễn Thị Huyền Trân	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHQLBĐ
18	000207	0750130002	12/31/2000	Trần thị ngọc diệu	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_ĐHQLBĐ
19	000208	0750040034	8/31/2000	Phạm Minh Tâm	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHQLĐĐ 1
20	000209	0750040064	8/14/2000	Đặng Thị Thu Hồng	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQLĐĐ 2
21	000210	0750040065	7/24/2000	Đặng Trần Diệu Hương	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHQLĐĐ 2
22	000211	0750040077	12/8/2000	Phạm Thị Yến Ngọc	57	285	4.9	4.1	Học AV1	07_ĐHQLĐĐ 2
23	000212	075004072	4/5/2000	Trần Lê Mỹ Linh	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHQLĐĐ 2

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
24	000213	0750040088	6/16/2000	Trần Thị Thanh Tâm	32	160	2.8	2.3	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ 2
25	000214	0750040086	1/9/2000	Vũ Xuân Sinh	58	290	5.0	4.1	Học AV2	07_DHqlĐĐ 2
26	000215	0750040151	3/24/2000	Đoàn Thị Cẩm Tiên	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ 3
27	000216	0750040157	9/24/2000	Huỳnh Thanh Tùng	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
28	000217	0750040112	1/20/2000	Huỳnh Trần Công Chức	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
29	000218	0750040134	5/3/2000	Lý Gia Minh	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
30	000219	0750040136	5/10/2000	Mai Thị Kim Ngân	65	325	6.8	4.6	Học AV2	07_DHQLĐĐ 3
31	000220	0750040118	8/7/2000	Nguyễn Bảo Đô	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
32	000221	0750040117	5/3/2000	Nguyễn Phát Đạt	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ 3
33	000222	0750040135	2/12/2000	Nguyễn Tấn Duy Nam	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ 3
34	000223	0750040139	5/12/2000	Nguyễn Thị Kiều Oanh	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
35	000224	0750040155	7/9/2000	Phạm Văn Trọng	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
36	000225	0750040156	5/29/2000	Phan Thị Cẩm Tú	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_DHQLĐĐ 3
37	000226	0750040196	7/15/2000	Hoàng Thị Diệu Hoài	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_DHQLĐĐ 4
38	000227	0750040161	10/25/2000	Lê Chí Bảo	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_DHQLĐĐ 4
39										
40										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

Trưởng bộ môn
Tiếng Anh



Nguyễn Thị Thanh Dung

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp: Môn thi: **Anh Văn**
Kỳ thi: Hình thức thi: **Trắc nghiệm**
Niên khoá: Ngày giờ thi: **09:30 , 26/12/2020**

C.Ngành:
Hệ: **ĐH**
Phòng thi: **C21**

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN		SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000228	0750040193	6/29/2000	Lê Thanh	Sang	49	245	4.2	3.5	Học AV1	07_DHQLĐĐ 4
2	000229	0750040167	10/2/2000	Ngô Thành	Đạt	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_DHQLĐĐ 4
3	000230	0750040180	8/22/2000	Nguyễn Thị Kim	Lý	76	380	9.2	6.8	Miễn AV1&AV2	07_DHQLĐĐ 4
4	000231	0750040184	10/24/2000	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	58	290	5.0	4.1	Học AV2	07_DHQLĐĐ 4
5	000232	0750040163	1/20/2000	Phan Quốc	Cường	53	265	4.7	3.8	Học AV1	07_DHQLĐĐ 4
6	000233	0750040183	3/20/2000	Võ Thị Tuyết	Ngân	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_DHQLĐĐ 4
7	000234	0750040222	2/2/2000	Đỗ Tấn	Dũng	51	255	4.6	3.6	Học AV1	07_DHqlđđ 5
8	000235	0750040224	10/6/2000	Lý Đỗ Hoàng	Hải	75	375	9.0	6.5	Miễn AV1&AV2	07_DHQLĐĐ 5
9	000236	0750040232	8/21/2000	Mai Thanh	Khang	86	430	10.0	9.2	Miễn AV1&AV2	07_DHQLĐĐ 5
10	000237	0750040227	6/8/2000	Nguyễn Minh	Hiếu	75	375	9.0	6.5	Miễn AV1&AV2	07_DHQLĐĐ 5
11	000238	0750040219	10/4/2000	Nguyễn Văn	Du	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	07_DHQLĐĐ 5
12	000239	0750040221	5/2/2000	Vũ Thị Thuỳ	Dung	85	425	10.0	9.0	Miễn AV1&AV2	07_DHQLĐĐ 5
13	000240	0750120034	1/1/1998	Hoàng Lương	Thành	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_DHQLTN 1
14	000241	0750120033	2/8/2000	Nguyễn Hoàng	Thanh	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_DHQLTN 1
15	000242	0750120039	11/17/2000	Nguyễn Nhất	Tín	60	300	5.5	4.3	Học AV2	07_DHQLTN 1
16	000243	0750120006	10/23/2000	Nguyễn Trương Cẩm	Đài	72	360	8.4	5.6	Miễn AV1&AV2	07_DHQLTN 1
17	000244	0750120069	10/1/2000	Đặng Minh	Hoàng	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_DHQLTN 2
18	000245	0750120078	7/24/2000	Dương Duy	Phương	71	355	8.2	5.3	Miễn AV1&AV2	07_DHQLTN 2
19	000246	0750120086	7/29/2000	Lê Hoàng	Thông	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_DHQLtn 2
20	000247	0750120059	11/10/2000	Lưu Tiến	Dũng	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_DHQLTN 2
21	000248	0750120081	9/28/2000	Nguyễn Tấn	Thành	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_DHqltn 2
22	000249	0750120060	1/4/2000	Nguyễn Thị Hoàng	Duyên	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_DHQLTN 2
23	000250	0750120087	7/27/2000	Nguyễn Thị Minh	Thư	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_DHQLTN 2

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
24	000251	0750120084	8/22/2000	Phan Thị Lệ Thi	22	110	1.9	1.6	Chưa đạt	07_ĐHQLTN 2
25	000252	0750120093	1/1/2000	Trần Hữu Trọng	56	280	4.9	4.0	Học AV1	07_ĐHQLTN 2
26	000253	0750120129	11/12/2000	Hồ Cẩm Nhung	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHQLTN 3
27	000254	0750120131	11/23/1999	Nguyễn Thanh Phong	73	365	8.6	5.9	Miễn AV1&AV2	07_ĐHQLTN 3
28	000255	0750120112	10/27/2000	Thạch Thanh Hoàng	61	305	5.8	4.4	Học AV2	07_ĐHQLTN 3
29	000256	0750120110	1/21/2000	Trần Thị Bích Hạnh	74	370	8.8	6.2	Miễn AV1&AV2	07_ĐHQLTN 3
30	000257	0750120175	7/15/2000	Huỳnh Nguyễn Hưng Thịnh	46	230	4.0	3.3	Học AV1	07_ĐHQLTN 4
31	000258	0750120190	7/19/2000	Nguyễn Hữu Tường Vy	56	280	4.9	4.0	Học AV1	07_ĐHQltN 4
32	000259	0750120162	6/28/2000	Phạm Thị Kiều Nhi	65	325	6.8	4.6	Học AV2	07_ĐHQLTN 4
33	000260	0750170006	6/30/1997	Nguyễn Tôn Nhân	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_ĐHQLTNKS
34	000261	0750090015	12/22/2000	Bùi Duy Linh	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_ĐHQTKD 1
35	000262	0750090005	8/31/2000	Lê Thị Thu Giang	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 1
36	000263	0750090033	9/25/2000	Lê Thị Kim Sa	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHQTKD 1
37	000264	0750090073	2/1/2000	Nguyễn Thị Thuý Ngân	45	225	3.9	3.2	Học AV1	07_ĐHQTKD 2
38	000265	0750090069	2/13/2000	Phạm Thị Thuý Linh	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_ĐHQTKD 2
39										
40										
41										
42										
43										
44										
45										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

P. Trưởng bộ môn
Tiếng Anh


Nguyễn Lương Tuấn Dũng

**BẢNG ĐIỂM THI PHÂN LOẠI XẾP LỚP TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
CHO SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 04, 05, 06 VÀ 07
NĂM 2020-2021**

Lớp:

Kỳ thi:

Niên khoá :

Môn thi: Anh Văn

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Ngày giờ thi: 09:30 , 26/12/2020

C.Ngành:

Hệ: ĐH

Phòng thi: C22

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
1	000266	0750090054	10/25/2000	Hồ Thị Bình	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHQTKD 2
2	000267	0750090146	11/11/2000	Đỗ Thị Thanh Trang	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_ĐHQTKD 3
3	000268	0750090115	7/13/2000	Đoàn Thị Mỹ Huyền	42	210	3.6	3.0	Học AV1	07_ĐHQTKD 3
4	000269	0750090140	3/24/2000	Lương Ngọc Thúy	48	240	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTKD 3
5	000270	0750090130	6/9/2000	Nguyễn Thị Như Quỳnh	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 3
6	000271	0750090109	5/7/2000	Phạm Ngọc Đông	47	235	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTKD 3
7	000272	0750090113	2/10/2000	Tôn Thị Như Hào	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_ĐHQTKD 3
8	000273	0750090120	6/27/2000	Trần Nhật Nam	55	275	4.8	3.9	Học AV1	07_ĐHQTKD 3
9	000274	0750090149	5/28/2000	Trần Quang Vỉnh	35	175	3.0	2.5	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 3
10	000275	0750090131	5/11/2000	Trần Thị Như Quỳnh	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 3
11	000276	0750090103	5/25/2000	Võ Thị Hòa An	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 3
12	000277	0750090185	1/10/2000	Dương Thị Mộng Thuý	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_ĐHQTKD 4
13	000278	0750090196	1/15/2000	Nguyễn Hồng Bạch Tuyết	48	240	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTKD 4
14	000279	0750090198	6/25/2000	Nguyễn Khánh Vy	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_ĐHQTKD 4
15	000280	0750090193	6/19/2000	Nguyen Thi Mỹ Trinh	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHQTKD 4
16	000281	0750090170	1/25/2000	Trần kim ngân	36	180	3.1	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 4
17	000282	0750090188	11/10/2000	Trương Thị Phương Tín	37	185	3.2	2.6	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 4
18	000283	0750090215	10/2/2000	Dương Thúy Kiều	48	240	4.1	3.4	Học AV1	07_ĐHQTKD 5
19	000284	0750090240	4/26/2000	Huỳnh Quyết Tiến	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 5
20	000285	0750090238	4/10/2000	Phan Sơn Thuý	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_ĐHQTKD 5
21	000286	0750090245	11/9/2000	Trần Ngọc Trinh	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 5
22	000287	0750090223	8/15/2000	Trịnh Thị Hà Nhi	62	310	6.0	4.4	Học AV2	07_ĐHQTKD 5
23	000288	0750090203	6/6/1999	Võ Thị Ngọc Ánh	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_ĐHQTKD 5
24	000289	0750030030	10/3/2000	Huỳnh thúc trát	44	220	3.8	3.1	Học AV1	07_ĐHTĐ

TT	SBD	MSSV	NGÀY SINH	HỌ VÀ TÊN	SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM AV1	ĐIỂM AV2	Ghi chú	Lớp
25	000290	0750030038	2/25/2000	Nguyễn Tấn Du	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_DHTD
26	000291	0750030017	3/12/2000	Ngô Hải Nguyên	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_DHTD 1
27	000292	0750030003	3/10/2000	Nguyễn Hoàng Duy	34	170	2.9	2.4	Chưa đạt	07_DHTD 1
28	000293	0750030046	2/8/2000	Hứa Huy Hiệu	28	140	2.4	2.0	Chưa đạt	07_DHTD 2
29	000294	0750030078	8/1/2000	Nguyễn Hiếu Trung	33	165	2.8	2.4	Chưa đạt	07_DHTD 2
30	000295	0750030056	1/18/2000	Bùi Công Minh	67	335	7.3	4.8	Học AV2	07_DHTDCT
31	000296	0750030025	12/7/2000	Ksor Thách	40	200	3.4	2.9	Học AV1	07_DHTDCT
32	000297	0750030034	10/26/2000	Phạm Nhật Anh	29	145	2.5	2.1	Chưa đạt	07_DHTDCT
33	000298	0750160036	10/11/2000	Đặng Thị Trường Yên	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_DHTHTNN
34	000299	0750160033	12/1/2000	Phạm Nguyễn Đình Văn	41	205	3.5	2.9	Học AV1	07_DHTHTNN
35	000300	0750160013	6/18/2000	Trần Thị Mai Hồng	50	250	4.6	3.6	Học AV1	07_DHTHTNN
36	000301	0750160026	4/26/1999	Phúc Văn Sỹ	0	0	#N/A	#N/A	Chưa đạt	07_DHTHTNN
37	000302	0750150010	9/6/2020	Phạm Anh Tuấn	26	130	2.2	1.9	Chưa đạt	07_DHTNN
38	000303	0650080027	8/27/1999	Cao Hoàng Quốc	49	245	4.2	3.5	Học AV1	
39	000063	0650060001	9/3/1989	Nguyễn Quang Bằng	31	155	2.7	2.2	Chưa đạt	07_DHCTN
40										
41										
42										
43										
44										
45										

Tp. HCM, Ngày 07 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng
Ký tên- Đóng dấu

Xác nhận của
Trưởng Ban chấm thi

P. Trưởng bộ môn
Tiếng Anh

Nguyễn Kiều Thiên Dương